

Bản án số:09/2024/DS-ST

Ngày 30-01-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Bá D, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Nguyễn Khắc P- Công ty L thuộc đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: thôn Đồng Ván, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện ở: thôn Sắt, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: thôn Đồng Ván, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện ở: thôn Sắt, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Ngọc Thị M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Đoàn Bá D trình bày:

Ông và gia đình anh Trần Văn B, chị Nguyễn Thị H không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ là hàng xóm. Ngày 31/03/2008 gia đình ông có cho vợ chồng anh Trần Văn B, sinh năm 1977 ở thôn S, xã L vay 17 chỉ vàng 9999. Anh B đến trực tiếp nhà ông hỏi vay tiền nhưng gia đình ông không có tiền nên đã cho anh B vay 17 chỉ vàng. Ông là người trực tiếp giao 17 chỉ vàng 9999 cho anh B, anh B nhận vàng và là người trực tiếp viết giấy có nội dung “tôi Trần Văn B, A, T có vay anh Đoàn Bá D xóm phố, Liên Sơn 17 chỉ vàng 9999 (mười bảy chỉ)” và ký tên ở dưới. Khi anh B vay vàng ông đã tự nguyện trả lãi cho ông là 20.000 đồng /chỉ/ tháng. Anh B vay vàng ông có nói là để kinh doanh cám vì thời điểm đó vợ chồng anh B, chị H làm đại lý bán cám chăn nuôi. Sau khi anh B vay của ông 1 chỉ vàng thì cứ hàng tháng ông sang nhà anh B, chị H lấy cám trừ vào số tiền lãi. Khi lấy cám để trừ vào tiền lãi hàng tháng, chị H là trực tiếp trả cám cho ông.

Khoảng năm 2012, gia đình ông có cho anh Trần Văn B vay lần đầu tiên là 47.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập giấy vay, lãi suất thoả thuận là 1%/ tháng của số tiền vay. Trong quá trình vay, anh B có trả ông tiền lãi hàng tháng của 17 chỉ vàng và tiền lãi của 47.000.000 đồng. Chị H là người trực tiếp tính số tiền lãi và trả cám cho ông. Sau khi vay vàng và tiền, vợ chồng anh B, chị H đã trả ông được 4 chỉ vàng và 17.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đến tháng 1 năm 2015. Đến tháng 2 năm 2015, anh B còn nợ ông 30.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999. Kể từ năm 2015 đến năm 2020 ông có đến nhà anh B gặp chị H và anh B để đòi tiền và vàng nhiều lần nhưng vợ chồng anh B khuất nợ. Do anh B không trả được nên ngày 24/01/2020, ông yêu cầu anh B viết lại giấy vay tiền và vàng. Anh B đồng ý và là người trực tiếp viết giấy vay tiền có nội dung là anh B còn nợ ông số tiền 30.000.000 đồng và 13 chỉ vàng có chữ ký của anh B.

Sau khi anh B viết giấy vay, khoảng tháng 2 năm 2021 chị H là người trực tiếp sang nhà ông trả cho gia đình ông 3.000.000 đồng tiền gốc. Khi ông nhận tiền của chị H thì chị H cũng không yêu cầu ông phải ký vào giấy tờ gì. Đến nay, ông xác định giấy biên nhận chỉ có một mình anh B ký nên ông chỉ yêu cầu anh B phải trả ông tiền còn nợ là 27.000.000 đồng tiền gốc và 13 chỉ vàng 9999, ông không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi. Ông không yêu cầu chị H phải trả số tiền và vàng anh B đã vay của ông. Tại phiên toà ông D có mặt yêu cầu anh B phải trả vợ chồng ông số tiền gốc còn nợ 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999. Ông không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi, không yêu cầu chị H trả tiền và vàng anh B đã

vay của ông.

* Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: theo giấy biên nhận vay tiền xác nhận anh B có vay của ông D số tiền 30.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999. Đến nay, ông D khởi kiện yêu cầu anh B trả số tiền vay còn nợ 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999, không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc anh B phải trả cho ông D số tiền 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999.

* Bị đơn anh Trần Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần để hòa giải về yêu cầu khởi kiện của ông D yêu cầu anh B trả số tiền và vàng đã vay nhưng anh B, chị H không có mặt để tham gia hòa giải. Tại phiên toà anh B, chị H vắng mặt.

* Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngọc Thị M trình bày:

Chồng bà là ông Đoàn Bá D cho anh B, chị H vay tiền và vàng, đến nay anh B còn nợ là 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999, bà đồng ý với ý kiến của ông D. Bà yêu cầu anh B phải trả tiền còn nợ 27.000.000 đồng tiền gốc và 13 chỉ vàng 9999, bà không yêu cầu anh B phải trả tiền lãi. Bà không yêu cầu chị H phải trả số tiền và vàng anh B đã vay, tại phiên toà bà M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Bá D, buộc anh Trần Văn B phải trả cho ông Đoàn Bá D, bà Ngọc Thị M số tiền gốc 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999 trị giá 82.810.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh B phải trả cho ông D, bà M là 109.810.000 đồng.

Về án phí: anh Trần Văn B phải chịu 5.490.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông D khởi kiện yêu cầu trả số tiền và vàng đối với bị đơn anh Trần Văn B, có nơi ĐKKH tại thôn Đ, xã A, huyện T, hiện ở thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn B, bà Ngọc Thị M vắng mặt nhưng chị H, anh B, bà M đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B, chị H, bà M là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về số tiền gốc ông D yêu cầu: Trong quá trình giải quyết vụ án không thu thập được lời khai của chị H, anh B nhưng theo lời khai của nguyên đơn ông Đoàn Bá D phù hợp với giấy vay vàng ngày 31/3/2008 có nội dung: “tôi Trần Văn B, A, T có vay anh Đoàn Bá D xóm phố, Liên Sơn 17 chỉ vàng 9999 (mười bảy chỉ)” và giấy vay tiền ngày 24/01/2020, nội dung của giấy vay tiền đã thể hiện anh B có vay của ông Đoàn Bá D số tiền 30.000.000 đồng và còn nợ ông D 13 chỉ vàng. Giấy vay tiền ông D trình bày do anh B là người viết, có chữ ký của anh Trần Văn B. Ông D đã giao đủ số tiền, vàng theo giấy vay cho anh B. Anh Trần Văn B là người trực tiếp vay tiền và vàng của ông D, trong giấy vay tiền anh B là người viết và ký Trần Văn B. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận ngày ngày 31/3/2008 ông Đoàn Bá D cho anh Trần Văn B vay 17 chỉ vàng 9999. Sau khi vay vàng, anh B đã trả cho ông D được 4 chỉ vàng còn nợ lại 13 chỉ vàng 9999. Ngoài ra ông D còn cho anh B vay số tiền tính đến ngày 24/01/2020 anh Trần Văn B còn nợ ông D 13 chỉ vàng 9999 và 30.000.000 đồng. Sau ngày 24/01/2020, anh B đã trả cho ông D được 3.000.000 đồng tiền gốc của số tiền vay, nay anh B chưa trả cho vợ chồng ông D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ hai bên đã cam kết. Đến nay, ông D không yêu cầu chị H trả số tiền và vàng anh B vay, yêu cầu anh Trần Văn B phải trả số tiền gốc còn nợ 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999 (trị giá: 82.810.000 đồng) là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự.

Về nghĩa vụ trả tiền: số tiền và vàng anh B vay là của vợ chồng D, bà M. Do vậy, Hội đồng xét xử cần buộc anh B phải trả cho vợ chồng ông D, bà M số tiền gốc 27.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 9999.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Bá D được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13 chỉ vàng 9999 x 6.370.000 đồng/chỉ = 82.810.000 đồng + 27.000.000 đồng = 109.810.000 đồng x 5% = 5.490.500 đồng quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đoàn Bá D được hoàn trả số tiền 2.527.500 đồng tạm ứng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000574 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

[5] Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Bá D đối với anh Trần Văn B.

Buộc anh Trần Văn B phải trả cho ông Đoàn Bá D, bà Ngọc Thị M số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) và 13 chỉ vàng 9999.

2. Về án phí: anh Trần Văn B phải chịu 5.490.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Đoàn Bá D số tiền 2.527.500 đồng tạm ứng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000574 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh